

Bản án số: 25/2021/HS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hương.

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

N T L, sinh năm 1960; nơi sinh, nơi cư trú: Tổ dân phố số 6, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí – Là Đảng viên; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đỗ T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M (Đã chết); có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh ST – Phòng giao dịch PT. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Thịnh – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm – Giám đốc Phòng giao dịch PT. Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào thời gian buổi sáng ngày 20/01/2020 bị cáo N T L đến Phòng giao dịch PT thuộc Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh ST (Ngân hàng BIDV), có trụ sở tại: Tổ dân phố số 6, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội để làm thủ tục rút tiền gửi tiết kiệm. Do lúc đó khách hàng đến giao dịch đông nên nhân viên Phòng giao dịch đã hẹn bị cáo L đến buổi chiều. Đến thời gian khoảng 14 giờ bị cáo cùng chồng là ông Nguyễn Đức A đến Phòng giao dịch để làm thủ tục rút tiền. Sau khi nhận được yêu cầu rút tiền của bị cáo, chị N T L1 là nhân viên Phòng giao dịch của Ngân hàng đã

tiếp nhận và làm các thủ tục để bị cáo rút tiền. Chị N T L1 đã hướng dẫn yêu cầu bị cáo điền đầy đủ thông tin vào các biên lai, chứng từ theo quy định. Bị cáo đã làm thủ tục kê khai để rút số tiền 780.000.000 đồng là tiền gửi tiết kiệm. Quá trình làm việc, chị L1 đã làm thủ tục và kiểm đếm tiền của Phòng giao dịch bàn giao cho bị cáo tổng cộng số tiền là 780.025.000 đồng; bao gồm 780.000.000 đồng là tiền gốc và 25.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên trong quá trình kiểm đếm, chị L1 đã sơ suất đếm thừa một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng giá trị là 50.000.000 đồng và bàn giao chung với số tiền 780.025.000 đồng. Như vậy, chị N T L1 đã bàn giao cho bị cáo tổng số tiền là 830.025.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, bị cáo đã cho toàn bộ số tiền vào túi ni lông và ngay sau đó cùng chồng mang sang bên Ngân hàng Bưu điện LV, có trụ sở tại thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội để làm thủ tục gửi tiền tiết kiệm. Tại Ngân hàng Bưu điện LV, bị cáo là người trực tiếp giao dịch kiểm đếm số tiền 780.000.000 đồng và giao cho nhân viên Ngân hàng để gửi tiết kiệm. Trong khi kiểm đếm bị cáo phát hiện trong túi ni lông còn một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo biết số tiền này do nhân viên Phòng giao dịch của Ngân hàng BIDV giao thừa trước đó. Sau khi gửi tiền tiết kiệm, bị cáo đã mang số tiền này về nhà cất giấu.

Đến cuối giờ làm việc cùng ngày, Phòng giao dịch của Ngân hàng BIDV tiến hành kiểm quỹ theo quy định. Qua kiểm tra đối chiếu chứng từ, Ngân hàng phát hiện thiếu hụt số tiền 50.000.000 đồng nên đã yêu cầu các nhân viên giao dịch kiểm tra đối chiếu sổ sách, chứng từ nhưng không phát hiện nhầm lẫn, sai sót. Ngân hàng tiếp tục tiến hành kiểm tra lại hình ảnh camera an ninh lắp đặt tại từng quầy giao dịch, thì phát hiện chị N T L1 trong quá trình kiểm đếm, bàn giao tiền đã để nhầm lẫn, trả thừa một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng trong tổng số tiền đã bàn giao cho khách hàng là bị cáo N T L.

Sau khi xác định bị cáo là người đã cầm thừa số tiền trên, đại diện Phòng giao dịch của Ngân hàng là bà Nguyễn Thị Minh T - Giám đốc Phòng giao dịch và chị N T L1 nhân viên Phòng giao dịch đã nhiều lần đến nhà gặp bị cáo trao đổi, giải thích và đề nghị xin được nhận lại số tiền 50.000.000 đồng đã giao thừa, nhưng bị cáo khẳng định không có việc nhận thừa tiền. Sau đó đại diện Phòng giao dịch và chị N T L1 có đơn trình báo, tố giác sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện PT, Thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh, giải quyết nguồn tin báo tố giác, bị cáo nhiều lần không thừa nhận việc nhận thừa tiền, không trả lại số tiền mà nhân viên Phòng giao dịch đã trả thừa. Ngày 15/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định hình ảnh đối với đoạn video clip được trích xuất thu giữ từ camera an ninh của Phòng giao dịch. Ngày 18/8/2020 Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong nội dung tệp video gửi giám định. Phần thuộc tính của tệp tin thể hiện tệp tin trên được khởi tạo vào ngày 21/01/2020. Tuy nhiên thời gian khởi tạo trên phụ thuộc vào thời gian của hệ thống và có thể chỉnh sửa được. Xác định được nhân viên Ngân hàng đã đưa tổng cộng cho bị cáo L là 03 (Ba) cọc tiền, 01 tập tiền và 02 tờ tiền, cụ thể gồm: 17 (Mười bảy) tập tiền chứa các

tờ tiền có mệnh giá 500.000đồng trong đó có 16 (Mười sáu) tập tiền có ít nhất 100 tờ tiền và 01 tập tiền có ít nhất 58 tờ tiền. 01 tờ tiền có mệnh giá 20.000 đồng 01 tờ tiền có mệnh giá 5.000 đồng.

Sau khi nhận được thông báo về nội dung kết luận giám định, ngày 21/9/2020 bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan điều tra - Công an huyện PT, Thành phố Hà Nội giao nộp số tiền 50.000.000 đồng và thừa nhận số tiền trên là của nhân viên Phòng giao dịch PT đưa thừa cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 22 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo N T L về tội Chiếm giữ trái phép tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Về dân sự: Đề nghị trả lại cho Ngân hàng 50.000.000 đồng mà bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tại phiên tòa thừa nhận nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai nên rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức án thấp nhất.

Nguyên đơn dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với số tiền mà bị cáo giao nộp cho Cơ quan điều tra thì Ngân hàng xin nhận lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định:

Ngày 20/01/2020 bị cáo N T L đến Phòng giao dịch PT thuộc Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh ST; có trụ sở tại Tổ dân phố số 6, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội để rút tiền gửi tiết kiệm. Quá trình giao dịch, nhân viên Ngân hàng đã giao thừa cho bị cáo số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi kiểm đếm quỹ, đối chiếu chứng từ, Ngân hàng xác định đã giao thừa cho bị cáo số tiền trên. Đại diện Phòng giao dịch của Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà gặp bị cáo để trao đổi, giải thích và đề nghị được nhận lại số tiền 50.000.000 đồng đã giao thừa, nhưng bị cáo khẳng định không có việc nhận thừa tiền để có

tình không trả lại số tiền đã nhận thừa của Ngân hàng nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên.

Như vậy với hành vi như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Chiếm giữ trái phép tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ của vụ án: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý hình phạt đối với bị cáo tương xứng với hành vi đã gây ra để giáo dục đối với bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân bị cáo trong thời gian công tác đã được Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội tặng Bằng khen và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp lao động – Thương binh và xã hội; bị cáo được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, bị cáo có chồng là sỹ quan Quân đội. Nguyên đơn dân sự xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[7]. Về dân sự: Quá trình giải quyết vụ án đại diện Phòng giao dịch PT - Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh ST có yêu cầu được nhận lại số tiền 50.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo. Xét thấy đây là yêu cầu hợp pháp nên chấp nhận.

[8]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ một đoạn video được trích xuất từ hình ảnh camera an ninh lắp đặt tại từng phòng của Phòng giao dịch do Ngân hàng giao nộp, đây là vật chứng nhỏ gọn nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo giao nộp, nên trả lại cho Ngân hàng.

[9]. Đối với ông Nguyễn Đức A, là chồng của bị cáo, là người trở bị cáo đến Phòng giao dịch của Ngân hàng để rút tiền tiết kiệm, sau đó đưa bị cáo mang tiền đi gửi tại Ngân hàng Bưu điện LV. Tuy nhiên, trong suốt quá trình làm thủ tục rút tiền tại Ngân hàng BIDV, cũng như gửi tiền tại Ngân hàng Bưu điện LV, thì chỉ có bị cáo trực tiếp giao dịch với nhân viên Ngân hàng, còn ông Nguyễn Đức A không có hành vi gì liên quan, hoàn toàn không biết việc giao nhận thừa tiền, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý gì.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 176; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Phạt tiền bị cáo N T L 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng về tội Chiếm giữ trái phép tài sản.

Trả lại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh ST – Phòng giao dịch PT số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

(Số tiền này đã được Công an huyện PT, Thành phố Hà Nội nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội tại Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 22/4/2021).

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Công an huyện PT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Duy Chinh